

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **26/2019/DS-ST**

Ngày: 15-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Ông Nguyễn T1 Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai -Kiểm sát viên

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST – DS ngày 21 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Thông báo về việc tiếp tục tiến hành phiên tòa số 30/TB-TA ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Lương, Thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung T1**, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố Phú Tận, phường Phú Thịnh, Thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Kim H** (tên thường gọi: Kim L), sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 68, Tổ 3, Ấp 1, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố Phú Tận, phường Phú Thịnh, Thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước.

- Bà **Nguyễn Tâm G**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Diệu Q**, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 68, Tổ 3, Ấp 1, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T trình bày: Giữa bà và bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi là Kim L) có thỏa Tân mua bán hạt tiêu, bà bán hạt tiêu cho bà Kim L có giá trị T1 tiền là 244.936.000 đồng tại nhà bà Kim L Tộc ấp 1, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, bà Kim L chưa thanh toán cho bà.

Vào ngày 01/7/2014, bà có đến nhà bà Kim L để lấy số tiền trên nhưng bà Kim L khất nợ bằng lời nói và hẹn 01 tháng sau sẽ trả. Khi khất nợ, bà Kim L có viết giấy tay còn nợ số tiền 244.936.000 đồng.

Cho đến nay thì bà Kim L đã trả được tổng số tiền 45.700.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng), cụ thể: Trả vào ngày 02/02/2015 với số tiền là 20.000.000 đồng, trả vào ngày 02/4/2015 với số tiền là 14.000.000 đồng và cân trừ nợ với bà Trần Thị N với số tiền 11.700.000 đồng.

Nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh buộc bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi: Kim L) trả số tiền 199.236.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Võ Thị Kim H trình bày: Giấy có ghi dòng chữ viết và chữ số đầu tiên “Ngày 1/7/2014” là do bà viết, viết vào ngày 01/7/2014 tại nhà của bà. Lý do bà viết giấy này là do bà mua tiêu của bà T và còn nợ số tiền 244.936.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ cho bà T thì từ ngày 08/01/2015 cho đến ngày 20/12/2017, bà đã trả được cho bà T tổng số tiền 98.602.000 đồng. Vì vậy, bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ lại là 146.334.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Trung T1 trình bày:

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị T, ông và bà T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lương, Thị xã Bình L, tỉnh Bình Phước. Số lượng hạt tiêu mà bà T bán cho bà Võ Thị Kim H (tên gọi khác: Kim L) là tài sản riêng của bà T, không có liên quan gì đến ông. Việc bà Võ Thị Kim H xác định

trong đơn ý kiến là ông nhận trực tiếp số tiền 10.000.000 đồng mà bà H trả cho bà T là không chính xác. Ông khẳng định là không có nhận bất kỳ số tiền nào mà gia đình bà H trả nợ cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 199.236.000 đồng thì ông thống nhất với yêu cầu này của bà T. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác khi Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua – bà Nguyễn Tâm G và bà Nguyễn Diệu Q thống nhất trình bày: Bà G và bà Q là con ruột của bà Võ Thị Kim H (tên gọi khác là Kim L). Vào ngày 02/02/2015, bà G có chuyển khoản cho bà Huỳnh Thị T số tiền 20.000.000 đồng và vào ngày 02/4/2015, bà Q có chuyển khoản cho bà Huỳnh Thị T số tiền 14.000.000 đồng. Mục đích bà G và bà Q chuyển khoản cho bà T là để trả nợ cho bà T, số tiền mà bà G và bà Q chuyển khoản cho bà T là của bà Võ Thị Kim H, do bà H nhờ chuyển dùm. Ngoài ra, bà G và bà T không có yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng để bà Trần Thị N tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua. Tuy nhiên, bà N không có ý kiến phản hồi, không tham gia giải quyết vụ án mà không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bà Trần Thị N) không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T.

+ Buộc bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi: Kim L) trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 199.236.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu bà Võ Thị Kim H trả tiền do bà H mua tiêu của bà T nhưng chưa trả tiền. Căn cứ yêu cầu

của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Võ Thị Kim H cư trú tại xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn – bà Võ Thị Kim H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Tâm G và bà Nguyễn Diệu Q có ý kiến xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà Trần Thị N vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T:

Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có nợ tiền khi mua tiêu của bà T số tiền là 244.936.000 đồng. Khi nợ tiền bà H viết giấy nợ vào ngày 01/7/2014. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của Cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Tại bản ý kiến và biên bản lấy lời khai, bà H xác định: Sau khi viết giấy nợ vào ngày 01/7/2014 thì bà đã trả nợ cho bà T được tổng số tiền 98.602.000 đồng. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ cung cấp cho Tòa án tài liệu thể hiện đã chuyển khoản cho bà T hai lần tiền vào ngày 02/02/2015 và ngày 02/4/2015 với tổng số tiền là 34.000.000 đồng và tài liệu thể hiện cản trừ nợ với bà Trần Thị N với số tiền 11.700.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T chỉ thừa nhận sau khi viết giấy nợ vào ngày 01/7/2014, bà có cản trừ nợ với bà N số tiền 11.700.000 đồng và nhận chuyển khoản hai lần tiền vào các ngày 02/02/2015 và ngày 02/4/2015 với tổng số tiền là 34.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định: Do bà T bán hạt tiêu cho bà H, bà H nợ tiền mua hạt tiêu nên vào ngày 01/7/2014, bà H viết giấy thể hiện còn nợ bà T số tiền 244.936.000 đồng. Sau khi viết giấy thì bà H đã trả cho bà T được tổng số tiền 45.700.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng), cụ thể: Trả vào ngày 02/02/2015 với số tiền là 20.000.000 đồng, trả vào ngày 02/4/2015 với số tiền là 14.000.000 đồng và cản trừ nợ với bà Trần Thị N với số tiền 11.700.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh buộc bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi: Kim L) trả số tiền còn lại là 199.236.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng) là có căn cứ.

Vì vậy, cần buộc bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi: Kim L) trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 199.236.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận (số tiền được chấp nhận là 199.236.000 đồng). Như vậy, số tiền án phí bà H phải chịu là 9.961.800 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 302, Điều 428, Điều 429 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điểm d khoản 1 Điều 688 và Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Võ Thị Kim H (tên thường gọi: Kim L) trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 199.236.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim H phải chịu là 9.961.800 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi một ngàn tám trăm đồng). Bà Huỳnh Thị T không phải chịu tiền án phí. Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà T số tiền 6.123.400 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí số 0006334 ngày 20/12/2018

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Tận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa Tận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh